

GIỚI THIỆU VỀ DỰ THẢO CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VIỆT NAM 2008 - 2020

• GS.TS. NGUYỄN HỮU CHÂU

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

Trong giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH-HĐH) đất nước và hội nhập quốc tế nguồn lực con người Việt Nam càng trở nên có ý nghĩa quan trọng, quyết định sự thành công của công cuộc phát triển đất nước. Giáo dục có vị trí và nhiệm vụ quan trọng trong việc xây dựng một thế hệ người lao động Việt Nam mới. Sau 8 năm thực hiện Chiến lược giáo dục Việt Nam 2001 - 2010, thực tiễn đã khẳng định những định hướng đúng đắn của chiến lược nhưng đồng thời cũng đòi hỏi những điều chỉnh cần thiết. Trước tình hình đó, từ tháng 7/2007 ngành Giáo dục và Đào tạo đã bắt đầu xây dựng Chiến lược giáo dục giai đoạn 2008 - 2020, tiếp tục thực hiện giai đoạn cuối của Chiến lược giáo dục 2001 - 2010 với những đổi mới mạnh mẽ và toàn diện nhằm tạo nên những bước chuyển căn bản trong giáo dục.

Dự thảo Chiến lược phát triển giáo dục Việt Nam 2008 - 2020 đã đề cập đến những vấn đề chủ yếu sau:

Phần thứ nhất: Đánh giá thực trạng giáo dục Việt Nam

Bản chiến lược đã tập trung phân tích một số thành tựu nổi bật của giáo dục Việt Nam trong những năm qua, đó là:

- Quy mô và mạng lưới giáo dục đã được phát triển, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu học tập của xã hội.

- Chất lượng giáo dục đã có chuyển biến ở tất cả các cấp và trình độ đào tạo.

- Công tác phổ cập giáo dục ở tiểu học và trung học cơ sở được thúc đẩy mạnh mẽ, làm tăng tỉ lệ dân số trong độ tuổi biết chữ của cả nước.

- Công tác xã hội hóa giáo dục được phát triển, thu hút được sự đóng góp và tham gia vào quá trình giáo dục của nhiều thành phần xã hội.

- Công bằng xã hội trong giáo dục được cải thiện, đặc biệt với trẻ em gái, trẻ em người dân tộc, con em các gia đình nghèo và trẻ em khuyết tật.

- Công tác quản lý giáo dục được đẩy mạnh, đặc biệt chú trọng quản lý chất lượng.

Nhờ những thành tựu của giáo dục và các lĩnh vực xã hội khác, chỉ số phát triển con người trong bảng xếp loại quốc tế trong những năm gần đây có những tiến bộ đáng kể.

Những thành tựu này có được là nhờ: truyền thống hiếu học của dân tộc Việt Nam; sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, sự điều hành của Chính phủ, sự quan tâm đóng góp của toàn xã hội; sự ổn định chính trị và những thành quả phát triển kinh tế thời kì đổi mới đã tạo điều kiện thuận lợi phát triển giáo dục; những thành tựu này có được cũng là nhờ lòng yêu nước, yêu người, yêu nghề, sự nỗ lực của đội ngũ nhà giáo và quyết tâm đổi mới của ngành giáo dục Việt Nam.

Tuy nhiên, với tinh thần xem xét các vấn đề một cách nghiêm túc, thẳng thắn, bản chiến lược giáo dục cũng đã chỉ ra những yếu kém cơ bản của giáo dục nước nhà trong thời gian vừa qua:

- Hệ thống giáo dục không đồng bộ, thiếu tính liên thông giữa các cấp học và các trình độ đào tạo, trong đó giáo dục nghề nghiệp chưa được quan tâm đúng mức.

- Chất lượng giáo dục còn thấp so với yêu cầu của đất nước trong thời kì mới, chưa quan tâm đầy đủ đến giáo dục toàn diện và rèn luyện năng lực làm người.

- Nội dung, phương pháp giáo dục từ mầm non tới phổ thông dù đã được đổi mới nhưng còn bộc lộ nhiều hạn chế, chương trình giáo dục đại học chậm đổi mới, lạc hậu, chưa đáp ứng được mục tiêu giáo dục.

- Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục mặc dù đã có những đóng góp to lớn vào sự



ng nghiệp giáo dục nhưng vẫn chưa đủ tầm để đáp ứng nhiệm vụ của giáo dục trong thời kì mới.

- Cơ sở vật chất kĩ thuật của các nhà trường còn thiếu thốn, lạc hậu, chưa đáp ứng quy mô phát triển giáo dục và yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục

Chiến lược giáo dục đã thẳng thắn chỉ rõ nguyên nhân căn bản của những yếu kém này, đó là: *quan điểm giáo dục là quốc sách hàng đầu chưa thực sự được quán triệt đúng mực; tư duy giáo dục chậm đổi mới, không thích ứng với nền kinh tế thị trường và yêu cầu CNH, HĐH, hội nhập quốc tế trong bối cảnh khoa học- công nghệ phát triển mạnh mẽ và toàn cầu hóa; cơ chế quản lí giáo dục phân tán, đầu tư cho giáo dục chưa hiệu quả, năng lực quản lí giáo dục còn yếu kém; ngoài ra nhiều tác động khách quan làm tăng thêm những yếu kém, bất cập vốn có của giáo dục.*

Phần thứ hai: Bối cảnh trong nước và quốc tế

Bản chiến lược đã tập trung phân tích bức tranh quốc tế và trong nước, đã nêu rõ những thời cơ và thách thức lớn tác động tới sự phát triển giáo dục đất nước trong giai đoạn mới. Những thời cơ lớn là: *Quá trình hội nhập quốc tế đã tạo ra những cơ hội cho việc tiếp cận tri thức tiên tiến, có thể làm thu hẹp khoảng cách phát triển giữa nước ta với nhiều nước trên thế giới. Với việc tăng cường hợp tác quốc tế, đất nước có nhiều điều kiện thu hút đầu tư, đóng góp và kinh nghiệm của nước ngoài cho giáo dục; hội nhập quốc tế đã đặt ra những áp lực lớn lao đòi hỏi đất nước phải cải cách thể chế mạnh mẽ nhưng chính điều này lại làm khơi dậy những tiềm năng lớn lao của giáo dục; với truyền thống hiếu học của dân tộc và với sự quan tâm mạnh mẽ của toàn xã hội đối với giáo dục chúng ta có nhiều thuận lợi để tiếp tục phát triển giáo dục; những thành tựu đạt được của đất nước trong phát triển kinh tế - xã hội và sự ổn định của hệ thống chính trị làm cho thế và lực của đất nước mạnh hơn nhiều so với trước, sự đóng góp về nguồn lực của nhà nước và nhân dân ngày càng được tăng cường; nhiều người Việt Nam ở nước ngoài với*

những tiềm năng lớn đang hướng về Tổ quốc, sẵn sàng đóng góp cho sự nghiệp giáo dục nước nhà.

Bên cạnh những thuận lợi, chúng ta cũng đang đứng trước nhiều thách thức lớn có thể tác động mạnh đến giáo dục trong giai đoạn tới: *Sự hội nhập quốc tế cũng chứa đựng ý nghĩa về sự xâm nhập của những nền văn hóa và lối sống xa lạ có nguy cơ làm xói mòn bản sắc dân tộc; trong tiến trình toàn cầu hóa, khoảng cách về kinh tế và tri thức giữa Việt Nam và các nước có thể càng ngày càng lớn hơn, chúng ta có thể bị tụt hậu xa hơn nữa; sự cạnh tranh với những cơ sở giáo dục nước ngoài với chi phí thấp và chất lượng tốt hơn ta có thể tạo ra những áp lực lớn cho những cơ sở giáo dục trong nước và tình trạng chảy máu chất xám của đất nước có thể sẽ gia tăng. Trong khi đó ở trong nước sự bất bình đẳng trong xã hội, sự phân hóa giàu nghèo, sự khác biệt giữa các vùng miền có chiều hướng gia tăng sẽ ảnh hưởng xấu hơn tới việc tiếp cận nền giáo dục có chất lượng của một số nhóm dân cư. Mặc dù 62,7% dân số nước ta trong độ tuổi lao động nhưng trình độ của đội ngũ này còn kém so với nhiều nước trong khu vực. Nhu cầu nhân lực qua đào tạo ngày càng tăng cả số lượng và chất lượng tạo nên sức ép lớn với giáo dục.*

Phần thứ ba: Những quan điểm phát triển giáo dục

Phát triển sự nghiệp giáo dục cần dựa trên một hệ thống triết lí, đó cũng chính là một hệ thống quan điểm chỉ đạo của Đảng và Nhà nước. Những quan điểm phát triển giáo dục được nêu trong Nghị quyết TW4 khóa VII, Nghị quyết TW2 khóa VIII, kết luận của Hội nghị TW6 khóa IX và nghị quyết ĐH Đảng lần thứ X vẫn là những định hướng hoàn toàn đúng đắn. Tuy nhiên, giai đoạn từ nay đến 2020 đòi hỏi những sự chuyển biến mạnh mẽ hơn nhằm tạo được những bước chuyển căn bản của giáo dục. Trong giai đoạn tới cần tiếp tục quán triệt các quan điểm cơ bản của Đảng, đồng thời cần cụ thể hóa và bổ sung một số nội dung phù hợp với yêu cầu của tình hình mới. Giáo dục Việt Nam được phát triển dựa trên các quan điểm sau:

1. Phát triển giáo dục với mục đích tạo lập nền tảng và động lực CNH, HĐH đất nước, đồng thời phải đào tạo con người Việt Nam phát triển toàn diện và góp phần xây dựng nền văn hóa tiên tiến của đất nước trong bối cảnh toàn cầu hóa.

2. Phát triển nền giáo dục của dân, do dân và vì dân là quốc sách hàng đầu, là nhiệm vụ trọng tâm của toàn Đảng và Nhà nước trong cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

3. Giáo dục vừa đáp ứng yêu cầu xã hội, vừa thỏa mãn nhu cầu phát triển của mỗi cá nhân và tạo niềm vui học tập cho mỗi người.

4. Hội nhập quốc tế về giáo dục phải được đẩy mạnh, dựa trên cơ sở bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, góp phần xây dựng một nền giáo dục giàu tính nhân văn, tiên tiến, hiện đại.

5. Phát triển dịch vụ giáo dục và tăng cường yếu tố cạnh tranh trong hệ thống giáo dục là một trong những động lực phát triển giáo dục.

6. Giáo dục phải đảm bảo chất lượng tốt nhất trong điều kiện chi phí còn hạn hẹp.

Phần thứ tư: Các mục tiêu phát triển giáo dục giai đoạn 2008 - 2020

Chiến lược giáo dục đã đề cập tới mục tiêu chung trong giai đoạn đến 2020 là:

“Xây dựng một nền giáo dục hiện đại, mang đậm bản sắc dân tộc, làm nền tảng cho sự nghiệp CNH, HĐH, phát triển bền vững của đất nước, thích ứng với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; tạo cơ hội học tập cho mọi người và có khả năng hội nhập với nền giáo dục thế giới; đào tạo những người lao động Việt Nam có phẩm chất đạo đức, kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp của thời đại, có năng lực tư duy độc lập, sáng tạo, có ý thức làm chủ và tinh thần trách nhiệm”.

Để thực hiện được mục tiêu này từ nay đến 2020 cần thực hiện 3 mục tiêu cụ thể như sau:

Mục tiêu thứ nhất: **Quy mô giáo dục được phát triển hợp lý để chuẩn bị nguồn nhân lực cho đất nước thời kì CNH, HĐH và tạo cơ hội học tập suốt đời cho mỗi người dân.**

Mặc dù phát triển quy mô giáo dục là một mục tiêu đã được đề cập đến trong nhiều văn kiện của Đảng, Chính phủ và trong Chiến lược giáo dục giai đoạn trước, nhưng sự phát triển quy mô giáo dục trong giai đoạn tới có những điểm nhấn quan trọng: chú trọng hơn đến quy mô giáo dục mầm non, thực hiện phổ cập giáo dục 1 năm đối với trẻ 5 tuổi để đảm bảo hầu hết trẻ 5 tuổi đều được chăm sóc trong tất cả các cơ sở giáo dục. Ở giáo dục phổ thông, sẽ đạt chuẩn phổ cập giáo dục 9 năm đúng độ tuổi ở hầu hết các tỉnh và thành phố vào năm 2020, đảm bảo cho hầu hết người dân trong độ tuổi đạt trình độ giáo dục cơ bản 9 năm. Mặt bằng dân trí của thanh thiếu niên Việt Nam được chú trọng nâng cao hơn với mục tiêu phấn đấu đến 2020, ít nhất 80% thanh niên trong độ tuổi đạt trình độ học vấn tương đương trình độ trung học phổ thông. Quy mô giáo dục dạy nghề được tăng mạnh để đảm bảo tăng tỉ lệ lao động qua đào tạo với mục tiêu khoảng 65% người lao động trong độ tuổi được đào tạo. Chiến lược đặc biệt tập trung vào quy mô phát triển giáo dục đại học. Mục tiêu 200 SV trên một vạn dân vào năm 2010 và 450 SV trên một vạn dân vào năm 2020 đã trở thành một mục tiêu lớn đòi hỏi sự quyết tâm cao của toàn xã hội. Để đảm bảo được các chỉ tiêu này, việc tái quy hoạch mạng lưới các trường cao đẳng, đại học nhằm đáp ứng nhu cầu cung cấp nhân lực đồng bộ đã trở thành một nhiệm vụ cấp thiết. Để có thể hội nhập, chúng ta cũng phấn đấu có ít nhất có 5 trường đại học Việt Nam được xếp hạng trong số 100 đại học hàng đầu của khu vực ASEAN và 2 trường đại học được xếp hạng trong 200 trường đại học hàng đầu thế giới năm 2020. Nhằm cung cấp cơ hội học tập suốt đời cho mọi người và xây dựng một xã hội học tập ở Việt Nam, quy mô giáo dục thường xuyên tiếp tục được đẩy mạnh với việc phát triển các trung tâm học tập cộng đồng, các trung tâm giáo dục thường xuyên, các chương trình đào tạo từ xa, các chương trình bồi dưỡng nâng cao kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp. Giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật và mạng lưới dịch vụ hỗ trợ giáo dục hòa nhập sẽ được triển khai mạnh mẽ hơn



để đảm bảo ngay cả ở vùng khó khăn tới năm 2020 có 70% người khuyết tật, 90% trẻ em có hoàn cảnh khó khăn được học hòa nhập.

Mục tiêu thứ hai: ***Chất lượng và hiệu quả giáo dục được nâng cao hơn nữa, tiếp cận được với chất lượng giáo dục của khu vực và quốc tế***

Với mục tiêu này, ngay từ giáo dục mầm non, các chương trình và phương pháp giáo dục trẻ phải được đổi mới, giúp trẻ phát triển hài hòa hơn về thể chất, tình cảm, trí tuệ và thẩm mỹ để có thể học tốt chương trình tiểu học. Trẻ 5 tuổi ở vùng núi, vùng dân tộc được chuẩn bị tốt hơn về tiếng Việt song song với việc học và duy trì tiếng mẹ đẻ. Chất lượng toàn diện của học sinh phổ thông sẽ có sự chuyển biến rõ rệt. Cùng với việc cung cấp các tri thức hiện đại, tinh giản và đồng bộ, việc rèn luyện năng lực làm người cho học sinh phổ thông được chú trọng. Học sinh sẽ có ý thức và trách nhiệm cao trong học tập, có lối sống lành mạnh, có năng lực làm việc độc lập và hợp tác, có kĩ năng sống, tích cực tham gia các hoạt động xã hội, ham thích học tập và học tập có kết quả cao; có năng lực tự học, có khả năng sử dụng tin học và ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh trong học tập và biết vận dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống. Đội ngũ học sinh có năng khiếu được chú trọng bồi dưỡng toàn diện hơn để tạo nên vốn quý của đất nước. Để đào tạo được một thế hệ học sinh như vậy, một chương trình giáo dục phổ thông đổi mới toàn diện phát triển năng lực người học phù hợp với khả năng và điều kiện của các vùng miền, địa phương và cá nhân sẽ được triển khai khoảng sau năm 2015. Một chương trình nâng cao năng lực dạy và học ngoại ngữ sẽ được thực hiện vào năm 2009 tạo cho học sinh được học liên tục ít nhất một ngoại ngữ từ những năm cuối tiểu học cho tới đại học.

Học sinh tham gia các chương trình giáo dục nghề nghiệp được đào tạo theo những chương trình đổi mới để có kiến thức chuyên môn, kĩ năng nghề nghiệp, kĩ luật lao động và tác phong lao động hiện đại, đảm bảo đến năm 2020, trên 95% số học sinh tốt nghiệp được cơ

quan sử dụng lao động đánh giá đáp ứng được các yêu cầu của công việc. Trong vòng 5 năm tới, chúng ta có thể cung cấp đội ngũ lao động phục vụ yêu cầu xuất khẩu lao động và nâng cao khả năng cạnh tranh nhân lực của đất nước.

Chiến lược cũng xác định rõ về mục tiêu chất lượng của giáo dục đại học. Sinh viên Việt Nam phải là những người có tư duy độc lập, phê phán, sáng tạo, có năng lực giải quyết vấn đề, có khả năng thích ứng với những biến động của thị trường lao động và có khả năng sử dụng tiếng Anh trong học tập, nghiên cứu và làm việc. Chúng ta cũng phấn đấu đến năm 2020, có ít nhất 5% số sinh viên tốt nghiệp đại học Việt Nam có trình độ ngang bằng sinh viên tốt nghiệp loại giỏi ở các trường đại học hàng đầu khối ASEAN. Các sinh viên tài năng sẽ được chú trọng bồi dưỡng thông qua các chương trình đào tạo cử nhân tài năng nhằm xây dựng được một bộ phận "tinh hoa" để có những đóng góp đặc biệt cho sự phát triển của đất nước. Để thực hiện được điều này, cùng với sự đổi mới về chương trình, giáo trình, nhiều chương trình tiên tiến quốc tế sẽ được sử dụng rộng rãi ở Việt Nam. Nhiều giáo trình sẽ do những giáo sư có uy tín của nước ngoài trực tiếp giảng dạy bằng tiếng Anh.

Mục tiêu 3: ***Các nguồn lực cho giáo dục được huy động đủ, được phân bổ và sử dụng có hiệu quả hơn để đảm bảo điều kiện phát triển giáo dục***

Sự đổi mới mạnh mẽ trong công tác quản lí giáo dục trong giai đoạn tới là sự đổi mới về quản lí nguồn lực. Chính phủ sẽ đảm bảo duy trì tỉ lệ đầu tư cho giáo dục trong tổng ngân sách nhà nước ở mức 21% từ năm 2015, trong đó tập trung ưu tiên cho giáo dục phổ cập, giáo dục ở những vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa và hỗ trợ tài chính cho những học sinh, sinh viên thuộc các nhóm thiệt thòi và các nhóm được hưởng chính sách ưu tiên. Cùng với ngân sách nhà nước, nguồn lực sẽ được huy động từ các tổ chức kinh tế - xã hội và được chia sẻ với người học và hộ gia đình để đảm bảo có đủ nguồn tài chính thực hiện giáo dục có chất lượng. Nguồn lực cho giáo dục cũng sẽ được quản lí và sử dụng có hiệu quả

hơn trên cơ sở nâng cao tính tự chủ của các cơ sở giáo dục, đảm bảo tính minh bạch và trách nhiệm đối với Nhà nước, người học và xã hội.

Phần thứ năm: Các giải pháp chiến lược

Để đạt được các mục tiêu nêu trên, Chiến lược giáo dục đã xác định 11 nhóm giải pháp với nhiều đổi mới mạnh mẽ. Có thể xem các nhóm giải pháp này là những nhóm giải pháp mang tính cải cách. 11 nhóm giải pháp đã thể hiện rõ mục đích **tạo động lực, tạo nguồn lực cho phát triển giáo dục, trong đó phát huy nội lực đã được kết hợp với việc tận dụng các hỗ trợ và phối hợp của quốc tế.**

Có hai giải pháp mang tính đột phá là:

1. Giải pháp **đổi mới quản lý giáo dục**. Nhóm này bao gồm các giải pháp: Cơ cấu lại hệ thống giáo dục quốc dân; thống nhất đầu mối quản lý nhà nước về giáo dục; thực hiện phân cấp quản lý mạnh đối với các địa phương và các cơ sở giáo dục để nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm; đẩy mạnh cải cách hành chính trong toàn bộ hệ thống giáo dục, thúc đẩy việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý giáo dục ở các cấp nhằm tạo ra một cơ chế gọn nhẹ, hiệu quả và thuận lợi.

2. Giải pháp **xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục**. Nhóm này bao gồm các giải pháp cơ bản như: Thực hiện chế độ hợp đồng thay cho biên chế trong tuyển dụng và sử dụng để tạo nên sự cạnh tranh lành mạnh và ý thức phấn đấu cho mỗi người; xây dựng các chính sách miễn giảm học phí, cung cấp học bổng, đặc biệt để thu hút học sinh giỏi vào các trường sư phạm; đổi mới toàn diện hệ thống các trường sư phạm; thực hiện đề án đào tạo giảng viên các trường đại học, cao đẳng từ năm 2008 đến năm 2020 để đảm bảo xây dựng một đội ngũ giảng viên có trình độ cao trong các trường đại học, trong đó có kế hoạch đào tạo được 20.000 tiến sĩ tới 2020; khuyến khích đội ngũ nhà giáo thông qua chế độ đãi ngộ xứng đáng, thí điểm để tới năm 2020 thực hiện việc hiệu trưởng quyết định mức lương cho giáo viên và giảng viên ở một số cơ sở giáo dục; thu hút các nhà khoa học nước ngoài có uy tín và kinh

nghiệm, các trí thức Việt Nam trong và ngoài nước tham gia giảng dạy và nghiên cứu khoa học tại Việt Nam; bố trí sắp xếp lại đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý, tăng cường các khóa bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý theo các chương trình hợp tác với nước ngoài.

Chiến lược cũng đề cập tới các giải pháp khác, bao gồm:

3. Giải pháp **phát triển chương trình, tài liệu giáo dục**. Nhóm này bao gồm các giải pháp: Ban hành chương trình mầm non mới vào năm 2009, đặc biệt chuẩn bị chương trình tiếng Việt cho trẻ mẫu giáo 5 tuổi; áp dụng trên toàn quốc một chương trình phổ thông mới chậm nhất sau năm 2015 theo hướng tích hợp ở những lớp dưới, phân hóa mạnh ở những lớp trên, đẩy mạnh giáo dục quốc phòng - an ninh, tăng cường các hoạt động xã hội của học sinh để bảo tồn các truyền thống văn hóa xã hội, nhằm xây dựng nền học vấn phổ thông cơ bản, vững chắc, phát triển năng lực cá nhân của người học, phù hợp với điều kiện học tập của mỗi học sinh. Dựa trên chuẩn của chương trình khung quốc gia, xây dựng các chương trình giáo dục địa phương phù hợp với nhu cầu và điều kiện tổ chức giáo dục của các vùng, miền, đặc biệt đối với các địa phương có học sinh dân tộc thiểu số. Tổ chức biên soạn một số bộ sách giáo khoa dựa trên chương trình chuẩn; áp dụng các chương trình tiên tiến của các đại học và các cơ sở đào tạo có uy tín trên thế giới cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học ở Việt Nam; chuyển mạnh sang đào tạo tín chỉ để từ năm 2010, các trường đại học hoàn toàn đào tạo theo học chế tín chỉ; thực hiện chương trình đổi mới về dạy học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân, đặc biệt là chương trình nâng cao hiệu quả dạy học và sử dụng tiếng Anh.

4. Giải pháp **đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập**. Nhóm này tập trung vào một số giải pháp: thực hiện đánh giá quốc gia 3 năm/lần và công bố kết quả đánh giá chất lượng học tập của học sinh để toàn xã hội biết rõ về chất lượng giáo dục; biên soạn, phổ biến những tài liệu về đổi mới phương



pháp dạy học và đánh giá kết quả học tập và tập trung bồi dưỡng giáo viên về những vấn đề này; nhằm xây dựng môi trường sư phạm bình đẳng và nâng cao ý thức trách nhiệm của đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý, sẽ thực hiện việc học sinh đánh giá giáo viên, sinh viên đánh giá giảng viên, giáo viên và giảng viên đánh giá cán bộ quản lý.

5. Giải pháp về **kiểm định và đánh giá các cơ sở giáo dục**. Nhóm giải pháp này tập trung vào một số giải pháp: Xây dựng hệ thống các tổ chức kiểm định độc lập về chất lượng giáo dục. Tiến hành kiểm định các cơ sở giáo dục công lập và ngoài công lập và công bố công khai kết quả; tổ chức xếp hạng các cơ sở giáo dục và thông báo rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng.

6. Giải pháp **xã hội hóa giáo dục**. Nhóm giải pháp này tập trung vào một số giải pháp xây dựng cơ chế học phí mới với tinh thần bảo đảm sự chia sẻ hợp lý giữa Nhà nước, người học và các thành phần xã hội; khuyến khích phát triển các cơ sở giáo dục ngoài công lập, nâng tỉ lệ học sinh học nghề ngoài công lập, xây dựng chính sách hỗ trợ cụ thể hỗ trợ các cơ sở giáo dục ngoài công lập về đất đai, thuế và vốn vay, xác định rõ tiêu chí thành lập các cơ sở giáo dục.

7. Giải pháp **tăng cường cơ sở vật chất cho giáo dục**. Nhóm giải pháp này tập trung vào các giải pháp: Hoàn thành xây dựng chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất trường học cho tất cả các loại hình cơ sở giáo dục; quy hoạch lại quỹ đất để xây dựng trường mới, ưu tiên đầu tư quỹ đất để xây dựng một số khu đại học trọng điểm; đẩy mạnh chương trình kiên cố hóa trường học, ưu tiên cho giáo dục vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, đảm bảo cho giáo dục tiểu học và trung học cơ sở học 2 buổi/ngày; xây dựng hệ thống thư viện điện tử kết nối giữa các trường đại học trong nước và với quốc tế, xây dựng một số phòng thí nghiệm hiện đại ở các trường đại học trọng điểm.

8. Giải pháp **gắn đào tạo với nhu cầu xã hội**. Nhóm giải pháp này tập trung vào một số giải pháp: Đầu tư xây dựng một số trung tâm

phân tích và dự báo nhu cầu nhân lực; tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp tham gia vào quá trình xây dựng và thực hiện chương trình đào tạo, khuyến khích mở các cơ sở giáo dục đại học trong các doanh nghiệp lớn.

9. Giải pháp **hỗ trợ giáo dục đối với các vùng miền và người học được ưu tiên**. Nhóm giải pháp này tập trung vào việc xây dựng và thực hiện cơ chế học bổng, học phí, tín dụng cho sinh viên, đảm bảo không có thanh thiếu niên nào không được học vì hoàn cảnh kinh tế khó khăn; cung cấp sách giáo khoa, học phẩm miễn phí hoặc giảm giá bán sách giáo khoa cho học sinh khó khăn hoặc đang học tập tại các vùng sâu, vùng xa; triển khai mạnh các chương trình đào tạo nghề cho nông dân; có chính sách hỗ trợ đặc biệt đối với người khuyết tật; thực hiện chính sách ưu tiên trong tuyển sinh với học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số.

10. Giải pháp **nâng cao hiệu quả hoạt động khoa học - công nghệ trong các cơ sở nghiên cứu và đào tạo**. Nhóm giải pháp này tập trung vào một số giải pháp tổ chức một số trường đại học theo hướng nghiên cứu; tăng cường gắn kết giữa nghiên cứu khoa học với nhu cầu xã hội thông qua việc hình thành các liên kết giữa các viện nghiên cứu, các trường đại học với các doanh nghiệp; tập trung đầu tư cho các cơ sở nghiên cứu khoa học mũi nhọn.

11. Giải pháp **xây dựng các trường đại học, dạy nghề đạt trình độ quốc tế**. Nhóm giải pháp này tập trung một số giải pháp tập trung đầu tư nhà nước và sử dụng vốn vay ODA để xây dựng 4 trường đại học, 3 trường cao đẳng nghề Việt Nam đạt trình độ quốc tế vào năm 2020; khuyến khích và tạo điều kiện cho việc mở các trường đại học 100% vốn nước ngoài ở Việt Nam.

SUMMARY

The author briefs the main point of the draft Strategic Plan for Education Development 2008-2020 which includes: (1) Evaluation of the current status, (2) national and international settings, (3) guiding principles for education development, (4) objectives of education development and (5) strategic measures